ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3424 /QĐ-UBND	*Thanh Hóa, ngày 15 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tiếp nhận vào làm công chức Sở Nông nghiệp và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 24/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 300/2026/NĐ-CP ngày 29/7/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Quyết định số 29/2026/QĐ-UBND ngày 20/4/2026 của UBND tỉnh quy định về quản lý, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, người giữ chức danh, chức vụ, người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1776/TTr-SNV ngày 11/10/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tiếp nhận vào làm công chức Sở Nông nghiệp và Môi trường đối với 53 cá nhân có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện việc tiếp nhận, phân công công tác, bố trí, quản lý và sử dụng công chức theo đúng vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức đã được phê duyệt và quy định hiện hành của pháp luật.

Giao Sở Nội vụ theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm theo dõi, giám sát việc thực hiện, chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra và các cơ quan liên quan về tính chính xác, tính pháp lý và nội dung kết quả thẩm định hồ sơ của các cá nhân nêu trên.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Nội vụ, Nông nghiệp và Môi trường; Viện trưởng Viện Nông nghiệp Thanh Hóa; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THĐT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Quang Hùng

DANH SÁCH

Tiếp nhận vào làm công chức Sở Nông nghiệp và Môi trường

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ, chức danh, đơn vị công tác hiện nay	Vị trí việc làm tiếp nhận
1	Lê Văn Hoàng	1991	Đại học ngành Quản lý đất đai; Thạc sĩ Quản lý đất đai	Viên chức, Phó Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Nông Cống, Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên về Quản lý đất đai, Phòng Quản lý đất đai, Sở Nông nghiệp và Môi trường
2	Trịnh Thị Phương	1987	Đại học ngành Quản lý đất đai	Viên chức, Phòng Kỹ thuật địa chính, Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên về Quản lý đất đai, Phòng Quản lý đất đai, Sở Nông nghiệp và Môi trường
3	Nguyễn Hạnh Linh	1986	Đại học ngành Kế toán	Viên chức, Phòng Hành chính - Kế hoạch, Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kế toán viên, Phòng Kế hoạch Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường
4	Nguyễn Thị Huệ	1984	Đại học ngành Địa chính	Viên chức, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Quảng Xương, Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên về Đo đạc bản đồ, Phòng Đo đạc, Bản đồ và Viễn thám, Sở Nông nghiệp và Môi trường
5	Lê Tiến Hiếu	1990	Đại học ngành Công nghệ thông tin	Viên chức, Phòng Hành chính xây dựng lực lượng, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên về quản lý ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, Văn phòng Sở

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ, chức danh, đơn vị công tác hiện nay	Vị trí việc làm tiếp nhận
					Nông nghiệp và Môi trường
6	Lê Văn Quang	1986	Đại học ngành Kế toán; Thạc sĩ Quản lý kinh tế	Viên chức, Phó Trưởng phòng Hành chính - Kế hoạch, Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên về hành chính - văn phòng, Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường
7	Phùng Thị Diệu Linh	1994	Đại học ngành Chính trị học; Đại học ngành Quản lý đất đai; Thạc sĩ Chính trị học	Viên chức, Phòng Chứng nhận chất lượng và Môi trường, Trung tâm Quan trắc môi trường và Chứng nhận sản phẩm nông nghiệp, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên về tổng hợp, Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường
8	Trịnh Linh Chi	1993	Đại học ngành Quản lý đất đai; Thạc sĩ Quản lý đất đai	Viên chức, Phó Trưởng phòng Hành chính - Kế hoạch, Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên về hành chính - văn phòng, Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Nguyễn Tiến Dũng	1983	Đại học ngành Kinh tế; Thạc sĩ Quản lý đất đai	Viên chức, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Đông Sơn, Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên về tiếp công dân và xử lý đơn, Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường
10	Lê Văn Hải	1994	Đại học ngành Kỹ thuật công trình xây dựng; Thạc sĩ Quản lý xây dựng	Viên chức, Hạt Quản lý đê Thiệu Hóa, Chi cục Thủy lợi, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên về phát triển nông thôn, Chi cục Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ, chức danh, đơn vị công tác hiện nay	Vị trí việc làm tiếp nhận
11	Lê Đình Nhật Anh	1995	Đại học chuyên ngành Kinh tế phát triển	Viên chức, Hạt Quản lý đê Thành phố Thanh Hóa, Chi cục Thủy lợi, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên về phát triển nông thôn, Chi cục Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và Môi trường
12	Đinh Thị Kim Ngân	1994	Đại học ngành Kinh tế	Viên chức, Văn phòng, Viện Nông nghiệp Thanh Hóa	Chuyên viên về tổng hợp, Chi cục Biển đảo và Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Môi trường
13	Trịnh Thị Hiền	1983	Đại học ngành Chăn nuôi Thú y; Thạc sĩ Thú y	Viên chức, Phòng Chăn nuôi, Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kiểm dịch viên động vật, Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Sở Nông nghiệp và Môi trường
14	Lê Trần Cương	1995	Đại học ngành Chăn nuôi (Chăn nuôi - Thú y); Thạc sĩ Quản lý kinh tế	Viên chức, Phòng Thú y, Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kiểm dịch viên động vật, Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Sở Nông nghiệp và Môi trường
15	Nguyễn Mậu Hiệp	1992	Đại học ngành Kế toán	Viên chức, Phòng Hành chính tổng hợp, Ban Quản lý Vườn quốc gia Bến En, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên về quản lý kinh tế tổng hợp, Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới
16	Lê Ngọc Nam Anh	1993	Đại học ngành Kỹ thuật công trình biển	Viên chức, Hạt Quản lý đê Hậu Lộc, Chi cục Thủy lợi, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên về quản lý đê điều, Chi cục Thủy lợi, Sở Nông nghiệp và Môi trường
17	Lê Thùy Dương	1995	Đại học ngành Luật; Thạc sĩ Quản lý kinh tế	Viên chức, Phòng Hành chính tổng hợp, Chi cục Thủy lợi, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên về hành chính - văn phòng, Chi cục Thủy lợi, Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ, chức danh, đơn vị công tác hiện nay	Vị trí việc làm tiếp nhận
18	Nguyễn Văn Hưng	1987	Đại học ngành Công trình thủy lợi	Viên chức, Hạt Quản lý đê Thọ Xuân, Chi cục Thủy lợi, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên về tài nguyên nước, Chi cục Thủy lợi, Sở Nông nghiệp và Môi trường
19	Nguyễn Thị Hằng	1984	Đại học ngành Công trình thủy lợi	Viên chức, Hạt Quản lý đê Thành phố Thanh Hóa, Chi cục Thủy lợi, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên về tài nguyên nước, Chi cục Thủy lợi, Sở Nông nghiệp và Môi trường
20	Nguyễn Thị Hồng Nhung	1991	Đại học ngành Kế toán	Viên chức, Phòng Hành chính tổng hợp, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên về hành chính - văn phòng, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Sở Nông nghiệp và Môi trường
21	Đỗ Văn Dũng	1982	Đại học ngành Nông học; Thạc sĩ Khoa học cây trồng	Viên chức, Trưởng trạm Kiểm dịch thực vật nội địa, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên về quản lý trồng trọt và bảo vệ thực vật, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Sở Nông nghiệp và Môi trường
22	Trịnh Minh Hiệu	1986	Đại học ngành Bảo vệ thực vật; Thạc sĩ Khoa học cây trồng	Viên chức, Phòng Trồng trọt, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên về quản lý trồng trọt và bảo vệ thực vật, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Sở Nông nghiệp và Môi trường
23	Lê Thị Hương	1991	Đại học, chuyên ngành Nông lâm kết hợp	Viên chức, Phòng Trồng trọt, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên về quản lý trồng trọt và bảo vệ thực vật, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Sở Nông nghiệp và Môi trường
24	Nguyễn Thị Hương	1978	Đại học ngành Tin học (có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư, lưu trữ)	Viên chức, Phòng Hành chính, xây dựng lực lượng, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chuyên viên về Văn thư lưu trữ, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ, chức danh, đơn vị công tác hiện nay	Vị trí việc làm tiếp nhận
25	Trần Văn Năm	1983	Đại học ngành Kế toán	Viên chức, Hạt Kiểm lâm huyện Mường Lát, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kế toán viên, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường
26	Lê Thị Hương	1985	Đại học ngành Kế toán	Viên chức, Hạt Kiểm lâm Thành phố Thanh Hóa, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kế toán viên, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường
27	Đồng Văn Thủy	1986	Đại học ngành Kế toán	Viên chức, Hạt Kiểm lâm huyện Thường Xuân, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kế toán viên, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường
28	Lê Viết Dũng	1980	Đại học ngành Quản lý Tài nguyên rừng và Môi trường	Viên chức, Hạt Kiểm lâm Thành phố Thanh Hóa, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kiểm lâm viên, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường
29	Hồ Văn Hiếu	1983	Đại học ngành Luật Kinh tế	Viên chức, Phụ trách Trạm Kiểm lâm Xuân Hòa, Hạt Kiểm lâm huyện Như Xuân, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kiểm lâm viên, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường
30	Phạm Bá Liêm	1989	Đại học ngành Khuyến nông và phát triển nông thôn	Viên chức, Hạt Kiểm lâm huyện Quan Sơn, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kiểm lâm viên, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường
31	Nguyễn Hoàng Vân	1989	Đại học ngành Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng và môi trường	Viên chức, Hạt Kiểm lâm huyện Bá Thước, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kiểm lâm viên, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường
32	Nguyễn Văn Bình	1986	Đại học ngành Chế biến lâm sản	Viên chức, Hạt Kiểm lâm huyện Mường Lát, Chi cục Kiểm lâm, Sở	Kiểm lâm viên, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ, chức danh, đơn vị công tác hiện nay	Vị trí việc làm tiếp nhận
				Nông nghiệp và Môi trường	trường
33	Phạm Văn Biên	1989	Đại học ngành Khuyến nông và phát triển nông thôn	Viên chức, Hạt Kiểm lâm huyện Quan Hóa, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kiểm lâm viên, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường
34	Phùng Hoàng Long	1988	Đại học ngành Khoa học môi trường	Viên chức, Hạt Kiểm lâm Thạch Thành, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kiểm lâm viên, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường
35	Phạm Văn Đức	1989	Đại học ngành Lâm nghiệp	Viên chức, Hạt Kiểm lâm thị xã Nghi Sơn, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kiểm lâm viên, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường
36	Vũ Văn Dũng	1990	Đại học ngành Quản lý tài nguyên rừng và Môi trường	Viên chức, Hạt Kiểm lâm huyện Quan Sơn, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kiểm lâm viên, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường
37	Vũ Hoàng Ngân	1992	Đại học ngành Quản lý đất đai	Viên chức, Hạt Kiểm lâm huyện Cẩm Thủy, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kiểm lâm viên, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường
38	Nguyễn Văn Lợi	1984	Đại học ngành Luật	Viên chức, Hạt Kiểm lâm huyện Quan Hóa, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kiểm lâm viên, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường
39	Vũ Ngọc Kiên	1985	Đại học ngành Quản lý tài nguyên rừng và môi trường	Viên chức, Hạt Kiểm lâm thị xã Nghi Sơn, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kiểm lâm viên, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường
40	Lê Hoàng Khải	1982	Đại học ngành Luật Kinh tế	Viên chức, Hạt Kiểm lâm huyện Lang Chánh, Chi cục Kiểm lâm, Sở	Kiểm lâm viên, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ, chức danh, đơn vị công tác hiện nay	Vị trí việc làm tiếp nhận
				Nông nghiệp và Môi trường	trường
41	Lê Khả Linh	1988	Đại học ngành Quản lý tài nguyên rừng và môi trường	Viên chức, Hạt Kiểm lâm huyện Như Xuân, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kiểm lâm viên, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường
42	Vũ Lý Tưởng	1978	Đại học ngành Quản lý tài nguyên rừng	Viên chức, Hạt Kiểm lâm huyện Lang Chánh, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kiểm lâm viên, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường
43	Nguyễn Sỹ Thượng	1992	Đại học ngành Lâm nghiệp	Viên chức, Hạt Kiểm lâm huyện Thường Xuân, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kiểm lâm viên, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường
44	Lê Ngọc Long	1972	Đại học ngành Lâm học	Viên chức, Hạt Kiểm lâm huyện Quan Hóa, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kiểm lâm viên, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường
45	Nguyễn Văn Quân	1983	Đại học ngành Quản lý tài nguyên rừng và môi trường	Viên chức, Hạt Kiểm lâm huyện Quan Sơn, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kiểm lâm viên, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường
46	Trương Thế Tài	1981	Đại học ngành Lâm nghiệp	Viên chức, Hạt Kiểm lâm huyện Thường Xuân, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kiểm lâm viên, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường
47	Nguyễn Thế Tình	1981	Đại học ngành Lâm nghiệp	Viên chức, Hạt Kiểm lâm huyện Lang Chánh, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kiểm lâm viên, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường
48	Phạm Văn Hoạt	1990	Đại học ngành Quản lý tài	Viên chức, Hạt Kiểm lâm huyện Quan Hóa, Chi cục Kiểm lâm, Sở	Kiểm lâm viên, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi

TT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chức vụ, chức danh, đơn vị công tác hiện nay	Vị trí việc làm tiếp nhận
			nguyên rừng và môi trường	Nông nghiệp và Môi trường	trường
49	Nguyễn Ngoại Giao	1993	Đại học ngành Quản lý tài nguyên rừng	Viên chức, Hạt Kiểm lâm huyện Quan Sơn, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kiểm lâm viên, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường
50	Lê Bảo Thành	1988	Đại học ngành Nông lâm kết hợp; Đại học ngành Luật	Viên chức, Hạt Kiểm lâm Ngọc Lặc, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kiểm lâm viên, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường
51	Nguyễn Thế Cung	1991	Đại học chuyên ngành Kinh tế thương mại	Viên chức, Hạt Kiểm lâm huyện Bá Thước, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kiểm lâm viên, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường
52	Lương Thị Nhung	1986	Đại học ngành Lâm học	Viên chức, Hạt Kiểm lâm Thành phố Thanh Hóa, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kiểm lâm viên, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường
53	Lê Thị Phương	1993	Đại học ngành Khuyến nông	Viên chức, Hạt Kiểm lâm Thành phố Thanh Hóa, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường	Kiểm lâm viên, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường

(Danh sách này có 53 người)./.